

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày: 08 - 7 - 2020

“V/v tranh chấp di sản thừa kế
và hủy quyết định cá biệt”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Đường.

Ông Ngô Xuân Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 12, 29 tháng 6 và ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2019/DS-ST, ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp về di sản thừa kế và hủy quyết định cá biệt”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS, ngày 04/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H1. Sinh năm 1963.

Trú tại: Xóm 3, xã Diễn Th, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H1: Bà Lê Thị Kim S. Có mặt.

Trú tại: Tổ 10, khối 15, phường Bến Th, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị L1. Sinh năm 1968. Có mặt.

Trú tại: Hẻm 29/12, đường Phan Văn D, phường Th Nh, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Bà Phan Thị Th1. Sinh năm 1951. Có mặt.

- Bà Phan Thị Ch. Sinh năm 1950. Có mặt.

Đều trú tại: Xóm 5, xã Văn Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phù Thị M. Sinh năm 1927. Có mặt.

- Bà Phan Thị L2. Sinh năm 1970. Có mặt.

- Ông Vũ Văn M. Sinh năm 1970. Có mặt.

Ủy quyền cho vợ là bà Phan Thị L2 tham gia tố tụng.

Đều trú tại: Xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An.

- Bà Phan Thị Th2. Sinh năm 1961.

Trú tại: Số 35, đường Nguyễn T, phường Ngọc Y, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Vũ Văn L, sinh năm 1965.

Trú tại: Hẻm 29/12, đường Phan Văn D, phường Th Nh, thành phố Vũng T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt. Ủy quyền cho vợ là bà Phan Thị L1 tham gia tố tụng.

- Ủy ban nhân dân huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Hữu A - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường. Có đơn xin xử mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị H1 và người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Kim S trình bày:

Bố mẹ bà là bà Phù Thị M và ông Phan Văn D có tất cả 6 người con gồm: Phan Thị L2, Phan Thị H1, Phan Thị Th1, Phan Thị Ch, Phan Thị Th2, Phan Thị L1. Trong quá trình sống với nhau bố mẹ bà tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất diện tích 890,5 m² và ngôi nhà ba gian lợp ngói tại xóm 01, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An. Năm 1985, bố bà qua đời không để lại di chúc. Sau khi bố bà qua đời thì mẹ bà làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Ngày 09/12/2009 UBND huyện Yên Th đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A048583 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ 04 có diện tích 890,5 m² địa chỉ xóm 01 thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An mang tên Phù Thị M. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mọi người trong gia đình đều thống nhất để cho Phan Thị L2 445 m² đất trồng để sinh sống ổn định lâu dài và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, trên diện tích được cả nhà thống nhất cho này thì bà L2 đã làm nhà ở cùng các công trình phụ, ốt kinh doanh kiên cố trên cả diện tích đất. Số diện tích 445,5 m² đất còn lại và căn nhà ba gian để mẹ bà sinh sống và sau này làm nhà thờ. Tuy nhiên, ngày 15/07/2011 mẹ bà là Phù Thị M lúc này đã già yếu nên đã bị các con là Phan Thị Th1, Phan Thị Ch, Phan Thị Th2, Phan Thị L1 lừa dối, tổ chức cuộc họp gia đình với nội dung cho Phan Thị L1 263,9 m² đất trong phần diện tích mà mẹ bà đang ở, phần còn lại làm giấy chứng nhận cho mẹ bà.

Cuộc họp này không có sự tham gia của bà và bà Phan Thị L2. Căn cứ vào nội dung biên bản cuộc họp này, chị Phan Thị L1 đã làm thủ tục cấp GCNQSDĐ

và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE577059 ngày 03/07/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9m² có địa chỉ tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th mang tên Phan Thị L1. Tháng 7 năm 2018, bà đưa nguyên vật liệu về để xây dựng nhà thờ theo nguyện vọng của mẹ bà nhưng khi mới xây được móng nhà thờ thì bà Phan Thị L1 ngăn cản và nói đó là đất của bà ấy thì bà mới được biết trên diện tích đất mà bố bà để lại đã được chia ra thành hai bìa, phần chính giữa, vuông vắn mang tên Phan Thị L1, còn phần xeo một góc xung quanh là công trình phụ, chuồng gà, nhà vệ sinh của hàng xóm thì mang tên mẹ bà. Diện tích 445,5m² đất trên là phần di sản của bố bà trong khối tài sản Chung với mẹ là Phù Thị M, mọi người trong gia đình thống nhất diện tích đất này để mẹ sinh sống và sau này làm nhà thờ. Tuy nhiên, mẹ bà bị các chị em trong gia đình bà lừa dối đã tự ý cho Phan Thị L1 263,9 m² đất mà không hỏi ý kiến của bà và bà Phan Thị L2, vì vậy bà làm đơn này gửi đến Tòa yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

- Chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của bố bà để lại là diện tích 445,5m² và ngôi nhà cấp bốn có địa chỉ xóm 01 thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An;

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE577059 ngày 03/07/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9m² có địa chỉ tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th mang tên Phan Thị L1.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị H1 là bà Lê Thị Kim S rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với ngôi nhà cấp bốn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các nội dung còn lại.

Bị đơn bà Phan Thị L1 trình bày:

Bố mẹ đẻ của cha bà mất sớm lúc cha bà còn nhỏ. Trước lúc lấy mẹ bà, cha bà đã có vợ cả, vợ cả bị bệnh rồi mất sau đó mới lấy mẹ bà. Cha bà là Phan Văn D mất tháng 04/1985, cha mất không để lại di chúc. Mẹ là Phù Thị M năm nay 92 tuổi, tài sản bao gồm ngôi nhà ngói, đồ đạc và mảnh đất với diện tích là: 890.5m² có địa chỉ tại xóm 1, thị trấn Yên Th, tỉnh Nghệ An. Nhà bà có 6 chị em gái gồm: Phan Thị Th1, Phan Thị Chiên, Phan Thị Th2, Phan Thị H1, Phan Thị L1, Phan Thị L2.

Năm 2010, gia đình bà có hợp gia đình với nội dung về đất đai. Ai phụng dưỡng mẹ tốt thì cho 1 nửa nhưng khi mẹ mất mới được sang tên vì tránh sau này đối xử không tốt với mẹ. Còn lại 1 nửa ai khó khăn nghèo đói thì về ở và làm nhà thờ. Vì tin tưởng là chị em trong nhà cho nên để biên bản hợp gia đình cho bà Phan Thị L2 giữ. Nhưng năm sau về hỏi biên bản thì bà L2 bảo xé rồi. Tìm hiểu bà mới biết bà L2 cùng chồng là M đã bí mật làm sổ riêng 1 nửa đất (1/2 của 890.5m² diện

tích đất) (gồm 2 mặt tiền) mà chị em bà không ai hay biết. Bà không nhất trí với hành động này và có làm đơn khiếu kiện nhưng vì điều kiện kinh tế khó khăn, công việc làm ăn phải đi xa nhà nên bà chưa kiện được.

Năm 2011, gia đình bà có tổ chức buổi họp gia đình mời chú Th em cha, ông Y là xóm trưởng cùng bí thư là anh L đến dự, cùng 5 chị em trong nhà đến họp tại nhà bà Phan Thị L2. Trước cuộc họp chị em bà có gọi cho Phan Thị H1 đang ở bên Lào về họp để bàn chuyện đất đai, đã bật loa ngoài cho tất cả mọi người đều nghe. Bà H1 nói: “Mấy chị làm sao thì làm chứ em không lấy đất đâu”. Trong cuộc họp mẹ tôi tuyên bố cho con Phan Thị L1 đất vì L1 nghèo, chưa có nhà ở và mẹ cũng đã vào Nam thăm vợ chồng bà, tất cả mọi người đều nhất trí kí vào biên bản họp cho bà, riêng Phan Thị L2 không kí. Sau buổi họp chị Phan Thị Ch và tôi là Phan Thị L1 chở mẹ Phù Thị M lên Ủy ban làm sổ. Ủy ban có hỏi mẹ tôi 3 lần. Bà có đồng ý cho con là Phan Thị L1 đất không?. Cả 3 lần bà đều khẳng định nói: “Tôi cho con L1”. Sau 1 năm không có bất cứ kiện cáo hay tranh chấp của gia đình bố mẹ, chị em trong nhà. Đến năm 2012 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị L1 với diện tích là 263.9 m² và còn lại diện tích làm nhà thờ đứng tên mẹ Phù Thị M là 181.6 m².

Đến đầu năm 2018, Bà H1 gửi đơn kiện lên UBND huyện Yên Th là đề nghị UBND huyện Yên Th thu hồi và hủy bỏ giấy tờ đất của Phan Thị L1. UBND huyện đã gửi giấy phản hồi cho Bà H1, việc cấp đất cho bà L1 là hoàn toàn đúng và giữ nguyên kết quả cấp giấy CNQSD đất cho bà Phan Thị L1 tại giấy chứng nhận QSD đất số BE 577059 (Có chứng cứ kèm theo). Còn sổ đất của bà Phan Thị L2 được 1 nửa đất, làm sổ rồi, nhưng không có mặt, chữ kí, sự nhất trí của tất cả các chị em trong gia đình thì không thấy bà Phan Thị H1 kiện cáo gì.

Trong năm 2018, vợ chồng bà Phan Thị L2 cũng đã xây nhà lấn chiếm gần 1m dài đất trên phần đất của bà. Đến cuối năm 2018, bà Phan Thị H1 đã đưa tiền cho bà Phan Thị L2 cùng chồng là M xây dựng bất hợp pháp trên phần đất bà đã đóng thuế nhà nước được 8 năm mà không hỏi han, không được sự cho phép, sự đồng ý của bà. Lúc đó bà có làm đơn nhờ Ủy ban nhân dân thị trấn can thiệp thì bà Phan Thị L2 và Phan Thị H1 vẫn không ngừng thi công, cứ bảo mẹ bà là Phù Thị M đòi đất lại để xây nhà trong khi mẹ bà không biết gì. Để bảo vệ quyền lợi và tài sản của mình bà đã làm hồ sơ xin giấy phép xây dựng để làm quán giữ đất. Giấy phép xây dựng đã có ngày 25/7/2018, bà đã nhận được, nhưng sau đó Ủy ban huyện bắt thu lại giấy phép. Nay Phan Thị H1 tiếp tục đơn kiện lên tòa án đòi xóa sổ bà là Phan Thị L1, nếu xóa sổ Phan Thị L1 thì phải xóa sổ của Phan Thị L2, đồng thời xóa sổ của mẹ Phù Thị M, vì khi chuyển tên cho mẹ các con không có ai kí. Xóa ba sổ chia lại theo luật thừa kế của pháp luật thì bà đồng ý. Đây là mảnh

đất hương hỏa của ông bà nội để lại, ông bà nội mất khi cha chưa lấy vợ. Vậy đây là tài sản riêng của cha nên theo luật thừa kế thì toàn bộ mảnh đất 890.5 m² phải chia 7 phần (bao gồm mẹ và 6 người con).

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị L1 giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L2 trình bày:

Bà L2 thống nhất như ý kiến trong nội dung đơn khởi kiện của bà Phan Thị H1 về các yêu cầu:

1. Chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của bố bà để lại là diện tích 445,5m² và ngôi nhà cấp bốn có địa chỉ xóm 01 thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An;

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE577059 ngày 03/07/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9 m² có địa chỉ tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th mang tên Phan Thị L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Th2 trình bày:

Bà thống nhất như ý kiến trình bày của bà Phan Thị L1. Nếu bà Phan Thị H1 tiếp tục đơn kiện lên Tòa án đòi xóa sổ bà Phan Thị L1 thì phải xóa sổ của Phan Thị L2, đồng thời xóa sổ của mẹ Phù Thị M. Yêu cầu xóa cả ba sổ chia lại theo luật thừa kế của pháp luật. Đây là mảnh đất hương hỏa của ông bà nội để lại. Mà ông bà nội mất khi cha chưa lấy vợ. Vậy đây là tài sản riêng của cha nên theo luật thừa kế thì toàn bộ mảnh đất 890.5 m² phải chia 7 phần (gồm mẹ và 6 người con).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch trình bày:

Hai bà thống nhất như ý kiến của bà L1, đề nghị Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485831 ngày 9/12/2009 tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn Yên Th, huyện Yên Th với diện tích 890,5 m² mang tên bà Phù Thị M.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 ngày 3/7/2012 tại thửa 52, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn Yên Th, huyện Yên Th với diện tích 263,9m² mang tên bà Phan Thị L1.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 362234 ngày 11/01/2011 tại thửa 51, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn Yên Th, huyện Yên Th với diện tích 445,5m² mang tên bà Phan Thị L2 và ông Vũ Văn M.

Yêu cầu chia thừa kế theo luật thừa kế thì toàn bộ mảnh đất 890.5 m² phải chia 7 phần (bao gồm mẹ và 6 người con).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Thửa đất này nguyên là đất thổ cư của cha đẻ, mẹ đẻ của Bà H1, bà L1. Ông bà M sinh ra được 6 người con gồm các bà Phan Thị Th1, Phan Thị Ch, Phan Thị Th2, Phan Thị H1, Phan Thị L1 và Phan Thị L2. Chồng bà M chết năm 1985, trước khi chết không để lại di chúc thừa kế kỷ phần đất trên cho ai. Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

1. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M thực hiện theo quy định tại Nghị định 181/2004/NĐ-CP. Căn cứ Khoản 6, Điều 43, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP quy định về ghi tên người sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể đối với trường hợp nhiều người sử dụng đất có quyền sử dụng chung thửa đất thì ghi tên tất cả những người sử dụng đất đó. Căn cứ điều khoản hướng dẫn thực hiện Điều 43, Nghị định 181/2004/NĐ-CP tại Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005, cụ thể trường hợp nhiều người thuộc hàng thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật khi đã xác định được đầy đủ tất cả mọi người được hưởng quyền thừa kế theo pháp luật thì phải ghi họ, tên của tất cả những người sử dụng đất đó trên chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0485831 ngày 09/12/2009 mang tên cá nhân bà Phù Thị M là chưa đầy đủ người sử dụng đất theo quy định. Tuy nhiên, năm 2010 bà M đã thực hiện việc chuyển quyền một phần thửa đất cho ông Vũ Văn M và bà Phan Thị L2, năm 2011 thực hiện chuyển quyền sử dụng một phần đất cho bà Phan Thị L1. Như vậy, căn cứ khoản điểm d, Khoản 2, Điều 106, Luật Đất đai 2013 không thuộc trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà M vì người sử dụng đất đã thực hiện chuyển chuyển sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trường hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Vũ Văn M và bà Phan Thị L2 năm 2010. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có văn bản phân chia thừa kế quyền sử dụng kỷ phần ông D để lại là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 3, Nghị định 88/2009/NĐ-CP, Điều 4, Thông tư 17/2009/TT-BTNMT. Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Vũ Văn M, bà Phan Thị L2, diện tích Bà M chuyển quyền là 445m² (2 thửa đất), tại buổi làm việc ngày 15/11/2017, bà M thống nhất phần đất thuộc quyền sử dụng của bà trong khối tài sản chung về đất của vợ chồng bà chuyển quyền cho ông M, bà L2. Vậy, Ủy ban nhân dân huyện giữ nguyên kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Văn M và bà Phan Thị L2 tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 4, tại thị trấn Yên Th.

3. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị L1, mặc dù không có văn bản phân chia di sản thừa kế phần đất của ông D để lại theo mẫu,

tuy nhiên tại hồ sơ có biên bản họp gia đình thể hiện nội dung thống nhất của bà M và 4/6 người con của ông D, bà M về việc chuyển quyền một phần diện tích đất cho bà L1. Ngày 3/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 cho bà Phan Thị L1 tại thửa đất số 52 (tách từ thửa 37), tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9 m² (phần diện tích này ít hơn kỷ phần mà 5 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật được hưởng trong phần đất của chồng bà M để lại và đã được thống nhất tại cuộc họp gia đình ngày 27/5/2011). Vậy, Ủy ban nhân dân huyện giữ nguyên kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị L1 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059. Đối với phần diện tích 181,6 m² trong thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, tại thị trấn Yên Th diện tích 890,5m² hiện tại chưa thực hiện thủ tục cấp đổi, vẫn mang tên bà Phù Thị M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phù Thị M trình bày: Bà là Phù Thị M và ông Phan Văn D, sinh được 7 người con gồm: Phan Văn Giá mất khi mới được 8 tháng tuổi, Phan Thị Th1, Phan Thị Ch, Phan Thị Th2, Phan Thị H1, Phan Thị L1, Phan Thị L2. Vợ chồng bà có một thửa đất số 52, tờ bản đồ 04 có diện tích 890,5m² tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th năm 1985 chồng bà qua đời không để lại di chúc. Sau khi chồng bà qua đời thì bà được Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A048583 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ 04 có diện tích 890,5m² tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An mang tên bà là Phù Thị M. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà cho con gái Phan Thị L2 445 m² đất trồng để sinh sống ổn định lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị L2, Vũ Văn M. Hiện nay, trên diện tích đất cho Lân thì đã được Lân xây dựng nhà và các công trình phụ, ột kinh doanh kiên cố hết phần diện đất đã cho. Số diện tích 445,5m² đất còn lại và căn nhà ba gian hiện bà đang sinh sống và sau này làm nhà thờ. Tuy nhiên, ngày 15/7/2011 bà lúc này đã già, yếu nên đã bị các con là Phan Thị Th1, Phan Thị Ch, Phan Thị Th2, Phan Thị L1 lừa dối, tổ chức cuộc họp gia đình với nội dung cho Phan Thị L1 263,9 m² trong phần đất bà đang ở, phần còn lại làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Cuộc họp này không có sự tham gia của Phan Thị H1 và Phan Thị L2. Phan Thị L1 đã làm thủ tục cấp giấy chứng quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ 04 có diện tích 263,9 m² tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An mang tên Phan Thị L1. Nay con gái bà là Phan Thị H1 làm đơn yêu cầu chia di sản thừa kế phần của chồng bà là Phan Văn D cho các đồng thừa kế theo pháp luật và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ

bản đồ 04 có diện tích 263,9m² tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An mang tên Phan Thị L1 bà đồng ý. Trong phần tài sản chung của vợ chồng bà, riêng phần tài sản của bà thì bà đã cho Phan Thị L2 445 m² và bây giờ bà cũng không thay đổi. Bà có nguyện vọng lấy đất, bà sẽ trả tiền chênh lệch phần đất của các đồng thừa kế và yêu cầu trích đất trong phần di sản thừa kế cho bà đã có công quản lý, tôn tạo từ năm 1985 cho đến nay.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa sơ thẩm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã chấp hành đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm, thành phần những người tiến hành tố tụng đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H1, chấp nhận một phần đơn yêu cầu độc lập của bà Ch, bà Th1, về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phan Văn D theo pháp luật là 445,5 m² đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 ngày 03/7/2012 do Ủy ban nhân dân huyện Yên Th đã cấp cho bà Phan Thị L1 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ 04 có diện tích 263,9 m² tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485831 ngày 9/12/2009 tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn Yên Th, huyện Yên Th mang tên bà Phù Thị M.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch về việc đề nghị Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 362234 ngày 11/01/2011 tại thửa 51, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn Yên Th, huyện Yên Th với diện tích 445,5m² mang tên bà Phan Thị L2 và ông Vũ Văn M.

Về án phí: Các đương sự được chia di sản thừa kế phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản mình được hưởng, các đương sự là người cao tuổi đề nghị miễn án phí.

Về chi phí định giá, thẩm định: Các đương sự được chia di sản phải chịu các chi phí này tương ứng với phần giá trị di sản được hưởng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản là loại tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp

cho bà Phan Thị L1, bà Phù Thị M, bà Phan Thị L2 và ông Vũ Văn M, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An được quy định tại khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Th2, bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch yêu cầu chia toàn bộ diện tích đất 890,5 m². Tòa án đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bà L1, bà Th, bà Th1, bà Ch không nộp tạm ứng án phí. Xét thấy, bà Th, bà L1 không thuộc đối tượng được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng đã không nộp tạm ứng án phí theo yêu cầu của Tòa án nên coi như từ bỏ yêu cầu. Đối với bà Th1, bà Ch là người cao tuổi thuộc đối tượng không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án chấp nhận thụ lý đối với yêu cầu độc lập của bà Th1, bà Ch.

[1.3] Tại phiên tòa bà Phan Thị H1 đã rút yêu cầu chia thừa kế đối với ngôi nhà cấp 4 nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này theo khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Ông Vũ Văn L vắng mặt nhưng có ủy quyền cho bà Phan Thị L1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Luyện.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Phan Văn D chết ngày 04/6/1985, căn cứ khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế số 44 - LCT/HDDNN8 ngày 10/9/1990 của Hội đồng Nhà nước về thừa kế, khoản 1 Điều 611, Điều 623, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, thời hiệu yêu cầu chia thừa kế của ông D tính từ ngày 10/9/1990. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Ngày 12/12/2018, bà Phan Thị H1 làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của ông D là đang còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Về nguồn gốc tài sản yêu cầu chia thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự thống nhất thừa đất số 37, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An có tổng diện tích là 890,5 m² có nguồn gốc của ông Phan Văn D và bà Phù Thị M.

Năm 2009 thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 có tổng diện tích là 890,5 m² được Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485831 ngày 09/12/2009 đối với bà Phù Thị M.

Năm 2010, bà Phù Thị M chuyển nhượng một phần thửa đất cho con gái Phan Thị L2 và con rể Vũ Văn M. Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 được tách thành

02 thửa là thửa 37, diện tích 445,5m² và thửa 51, diện tích 445m². Ngày 11/01/2011 Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 362234 thửa đất số 51, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn Yên Th cho Phan Thị L2 và Vũ Văn M.

Năm 2011, bà Phù Thị M chuyển nhượng một phần đất trong thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, diện tích 445,5 m² cho bà Phan Thị L1 (con gái bà M). Thửa đất số 37 được tách thành 02 thửa là thửa 52 diện tích 263,9 m² và thửa 37 diện tích 181,6 m². Bà M làm thủ tục chuyển quyền thửa đất số 52 cho con gái là bà Phan Thị L1. Ngày 03/7/2012 Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn Yên Th cho Phan Thị L1.

[2.3] Về di sản thừa kế của ông D: Căn cứ vào hồ vụ án và lời khai của các đương sự thì tài sản chung của ông D và bà M là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, diện tích 890,5m², tại xóm 1 (nay là khối 4) tại thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh nghệ An. Bà M đã chuyển nhượng cho bà Phan Thị L2 và ông Vũ Văn M diện tích 445,5m² là tài sản riêng của bà M trong khối tài sản chung của ông D và bà M, thuộc quyền sử dụng của bà M nên bà có quyền định đoạt và quyết định khi đang sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định phần di sản thừa kế của ông D là 445,5m² còn lại (bao gồm thửa đất số 52 diện tích 263,9m² và thửa đất số 37 diện tích 181,6m²).

[2.4] Về quan hệ huyết thống: Ông Phan Văn D và bà Phù Thị M sinh được 06 người con là: Bà Phan Thị Th1 (1951), bà Phan Thị Ch (1950), bà Phan Thị Th2 (1961), bà Phan Thị H1 (1963), bà Phan Thị L1 (1968), Bà Phan Thị L2 (1970)

Cha mẹ đẻ của ông Phan Văn D đã chết trước thời điểm ông D chết.

Căn cứ điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H1, yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế:

[3.1.1] Căn cứ vào hồ vụ án và lời khai của các đương sự thì tài sản chung của ông D và bà M là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, diện tích 890,5 m², tại xóm 1 (nay là khối 4) thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh nghệ An. Tại buổi làm việc ngày 15/11/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Th và Biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2019 (BL 99,100) bà Phù Thị M khẳng định phần đất thuộc quyền sử dụng của bà trong khối tài sản chung của vợ chồng là 445, m², bà đã chuyển nhượng quyền sử dụng 445 m² đất này cho ông M, bà L2 theo hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất số 601, được Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Th chứng thực ngày 27/7/2010 (BL 110-114). Diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Phan Thị L2 và Vũ Văn M ngày 01/10/2011. Hiện nay, vợ chồng bà L2, ông M đã xây dựng nhà ở, ốt kinh doanh và sinh sống ổn định trên thửa đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M vẫn giữ nguyên ý kiến cho vợ chồng bà L2, ông M phân tài sản quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất thửa số 37, tờ bản đồ số 4 là 445 m².

Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định phần di sản thừa kế của ông D là 445,5 m² còn lại (bao gồm thửa đất số 52 diện tích 263,9 m² và thửa đất số 37 diện tích 181,6 m²). Đối với diện tích 445 m² đã chuyển nhượng cho bà Phan Thị L2 và ông Vũ Văn M là tài sản riêng của bà M trong khối tài sản chung của ông D và bà M, thuộc quyền sử dụng của bà M nên bà có quyền định đoạt và quyết định khi đang sống.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Ch và bà Th1 về việc đề nghị xác định toàn bộ thửa đất là tài sản riêng của ông D và chia di sản thừa kế của ông D đối với 890,5m² đất, có cơ sở chấp nhận 1 phần yêu cầu bà Ch và bà Th1 về việc chia di sản thừa kế của ông D là $\frac{1}{2}$ thửa đất.

[3.1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị H1 xuất trình tài liệu mới là biên bản đàm thoại gia đình ngày 30/12/1995 với thành phần tham gia gồm: Bên nhà gái bà Phù Thị M, ông Phan Văn Kh, ông Phan Văn Ng, bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch; Bên nhà trai: Bà Nguyễn Thị H (mẹ ông M), Nguyễn Văn S (anh đầu ông M), Vũ Văn T. Nội dung: Nhất trí để cho em Vũ Văn M và Phan Thị L2 về ở căn hộ hiện có của bà Phù Thị M. Bổ sung quyền sở hữu nhà cửa, đất đai giao cho em Vũ Văn M là người thừa kế bà Phù Thị M. Nguyên đơn cho rằng bà M đã tặng cho tài sản riêng trong khối tài sản chung cho chị Phan Thị L2 và anh Vũ Văn M, biên bản này thể hiện ý chí của bà Th1, bà Ch nhất trí cho toàn bộ tài sản ông D, bà M cho chị Phan Thị L2 và anh Vũ Văn M, nên đề nghị Hội đồng xét xử chia phần bà Th1, bà Ch được hưởng di sản của ông D cho bà L2.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại văn bản này không thể hiện rõ tài sản nhà cửa, đất đai mà các bên bàn bạc là tài sản nào, vị trí, tứ cận, diện tích như thế nào. Mặt khác, tại thời điểm này ông D đã chết không để lại di chúc, các con của ông D chỉ có bà L2, bà Th1, bà Ch tham gia họp và ký vào văn bản, còn bà L1, bà Th, Bà H1 không ký vào văn bản, nay bà Th, bà L1 không đồng ý với nội dung văn bản này, vì vậy văn bản này không phải là giấy tờ hợp pháp về thừa kế. Bên cạnh đó, sau khi lập văn bản này các bên không ai làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 692 BLDS năm 2005 nên văn bản này

chưa có hiệu lực. Năm 2010, bà M đã lập hợp đồng tặng cho $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất cho ông M và bà L2, ông M và bà L2 đều thống nhất ký vào hợp đồng không có ý kiến gì, đã làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với $\frac{1}{2}$ thửa đất, điều đó thể hiện các bên đã không thừa nhận nội dung văn bản này. Do đó không có cơ sở chấp nhận ý kiến của Bà H1 về việc chia phần bà Th1, bà Ch được hưởng di sản của ông D cho bà L2.

[3.1.3] Ông Phan Văn D chết không để lại di chúc, vì vậy Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế theo pháp luật. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn D gồm: Bà Phù Thị M, bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch, bà Phan Thị Th2, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị L2.

Về công sức trong việc bảo vệ, tôn tạo và bồi đắp làm tăng giá trị thửa đất: Quá trình giải quyết vụ án thể hiện, bà M sinh sống trên thửa đất từ khi kết hôn với ông D, sau khi ông D chết bà M tiếp tục sinh sống trên thửa đất đó đến nay, bà M có công sức lớn trong việc tôn tạo, bảo quản, làm tăng giá trị quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước. Vì vậy, cần trích công sức cho bà M khoảng gần $\frac{1}{4}$ giá trị di sản; Phần còn lại chia thành 7 phần bằng nhau.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản thể hiện:

Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 có diện tích 181,6 m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phù Thị M, tài sản trên đất có 02 ngôi nhà cấp bốn (01 nhà chính 03 gian và 01 nhà bếp).

Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4 có diện tích 263,9 m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị L1, tài sản trên đất có 01 móng nhà do bà Phan Thị H1 xây và một phần ngôi nhà chính của bà Phù Thị M.

Giá trị tài sản tranh chấp, Hội đồng định giá như sau:

Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, diện tích 181,6 m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phù Thị M, giá đất 1.300.000 đồng /m². Thành tiền: 1.300.000 đồng x 181,6 m² = 236.080.000 đồng.

Thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4 có diện tích 263,9 m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phan Thị L1, giá đất 6.500.000 đồng/m². Thành tiền: 6.500.000 đồng x 263,9 m² = 1.715.350.000 đồng.

Tổng giá trị di sản 445,5 m² đất là: 1.951.430.000 đồng.

Hội đồng xét xử xác định: Phần di sản của ông D là 445,5 m² đất có giá trị 1.951.430.000 đồng, trích công sức cho bà M khoảng gần $\frac{1}{4}$ giá trị di sản là 458.380.000 tương đương với 181,6 m² (trị giá 236.080.000 đồng) tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 và 34,2 m² đất (trị giá 222.300.000 đồng) tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4.

Diện tích còn lại là 229,6 m² tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4 trị giá 1.492.400.000 đồng được chia thành 07 suất thừa kế gồm: Bà Phù Thị M, bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch, bà Phan Thị Th2, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị L2. Mỗi suất thừa kế có diện tích 32,8 m², trị giá 213.200.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Phan Thị H1, bà Phan Thị L2 có yêu cầu nhường lại phần di sản được hưởng cho bà Phù Thị M. Bà Phan Thị L1 có yêu cầu nhường lại phần di sản được hưởng cho bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Th2 có yêu cầu nhường lại phần di sản được hưởng cho bà Phan Thị Ch và giao quyền sử dụng cho bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch. Xét thấy, việc các đồng thừa kế khác nhường phần thừa kế của mình là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp nên cần được chấp nhận.

[3.1.4] Sau khi nhận phần tặng cho của bà Phan Thị H1, bà Phan Thị L2 bà Phù Thị M được hưởng thừa kế như sau:

- Tiền trích công sức 458.380.000 đồng tương đương với 181,6 m² (trị giá 236.080.000 đồng) tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 và 34,2 m² (trị giá 222.300.000 đồng) tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4.

- 01 suất thừa kế của bà M được hưởng của ông D có diện tích 32,8 m², trị giá 213.200.000 đồng.

- 01 suất thừa kế của Bà H1 được hưởng của ông D nhường lại có diện tích 32,8 m², trị giá 213.200.000 đồng.

- 01 suất thừa kế của bà L2 được hưởng của ông D nhường lại có diện tích 32,8 m², trị giá 213.200.000 đồng.

Tổng diện tích đất bà M được hưởng là 314,2 m², có giá trị 1.097.980.000 (Một tỉ không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm tám mươi ngàn) đồng.

[3.1.5] Sau khi nhận phần tặng cho của bà Phan Thị L1 và bà Phan Thị Th2, bà Phan Thị Th1 và bà Phan Thị Ch được hưởng thừa kế như sau:

- 01 suất thừa kế của bà Ch được hưởng của ông D có diện tích 32,8 m², trị giá 213.200.000 đồng.

- 01 suất thừa kế của bà Th1 được hưởng của ông D nhường lại có diện tích 32,8 m², trị giá 213.200.000 đồng.

- 01 suất thừa kế của bà Th được hưởng của ông D nhường lại có diện tích 32,8 m², trị giá 213.200.000 đồng.

- 01 suất thừa kế của bà L1 được hưởng của ông D nhường lại có diện tích 32,8 m², trị giá 213.200.000 đồng.

Tổng diện tích đất được hưởng là 131,2 m², có giá trị 852.800.000 (Tám trăm năm mươi hai triệu, tám trăm ngàn) đồng.

[3.1.6] Đối với phần móng nhà do Bà H1 xây dựng tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An, tại phiên tòa bà

Phan Thị H1 thỏa thuận tự tháo dỡ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này.

[3.2] Đối với yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt:

[3.2.1] Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9 m² tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An mang tên bà Phan Thị L1 của bà Phan Thị H1, bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch.

Năm 1985, ông Phan Văn D chết không để lại di chúc. Ngày 15/7/2011 bà Phù Thị M, bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch, bà Phan Thị Th2, bà Phan Thị L1 tổ chức cuộc họp gia đình với nội dung cho bà Phan Thị L1 263,9 m² đất, phần còn lại là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M. Biên bản họp gia đình có sự tham gia của xóm trưởng, bí thư xóm và xác nhận của UBND thị trấn Yên Th (BL 11). Căn cứ vào nội dung cuộc họp này, bà Phan Thị L1 đã làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9 m² tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An mang tên bà Phan Thị L1. Tuy nhiên, cuộc họp gia đình này không có sự tham gia của hai đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D là bà Phan Thị H1 và bà Phan Thị L2, là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Do đó, biên bản họp gia đình ngày 15/7/2011 không có hiệu lực pháp luật.

Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện Yên Th căn cứ vào biên bản họp gia đình ngày 15/7/2011 do bà Phù Thị M, bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch, bà Phan Thị Th2, bà Phan Thị L1 lập để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9 m² tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An cho bà Phan Thị L1 là vi phạm quy định của Luật đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế. Căn cứ vào khoản 1, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H1, yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9 m² tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An mang tên bà Phan Thị L1 và quyết định số 3303/QĐ.UBND ngày 07/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Th về việc rút quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ bà Phan Thị L1.

[3.2.2] Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485381 ngày 09/12/2009 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, thị trấn Yên Th do Ủy ban

nhân dân huyện Yên Th cấp cho bà Phù Thị M của bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch:

Như đã phân tích ở trên, thửa đất này nguyên là đất thổ cư của cha đẻ, mẹ đẻ của Bà H1, bà L1 là ông Phan Văn D và bà Phù Thị M. Ông D, bà M sinh ra được 6 người con gồm các bà Phan Thị Th1, Phan Thị Ch, Phan Thị Th2, Phan Thị H1, Phan Thị L1 và Phan Thị L2. Chồng bà M chết năm 1985, trước khi chết không để lại di chúc thừa kế kỹ phần đất trên cho ai.

Năm 2007, thực hiện chủ trương lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân Thị trấn Yên Th đã tổ chức xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phù Thị M. Sau khi bà Phù Thị M thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 9/12/2009 UBND huyện Yên Th đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485831 người sử dụng đất là bà Phù Thị M, thường trú xóm 1, Thị trấn Yên Th, huyện Yên Th tại thửa 37, tờ bản đồ số 4, Thị trấn Yên Th, diện tích 890.5 m². Hồ sơ không có văn bản phân chia di sản thừa kế đối với kỹ phần đất mà chồng bà M để lại. Căn cứ điều khoản hướng dẫn thực hiện Điều 43, Nghị định 181/2004/NĐ-CP tại Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005, cụ thể trường hợp nhiều người thuộc hàng thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật khi đã xác định được đầy đủ tất cả mọi người được hưởng quyền thừa kế theo pháp luật thì phải ghi họ, tên của tất cả những người sử dụng đất đó trên GCNQSD đất. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0485831 ngày 09/12/2009 mang tên cá nhân bà Phù Thị M là chưa đầy đủ người sử dụng đất theo quy định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác, không đảm bảo đúng quy định của pháp luật, vì đất là di sản của ông D nhưng không có ý kiến của các đồng thừa kế. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485381 ngày 09/12/2009 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, thị trấn Yên Th do Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp cho bà Phù Thị M và quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4251/QĐ.UBND ngày 09/12/2009 cho bà Phù Thị M.

[3.2.2] Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 362234 ngày 11/01/2011 tại thửa 51, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn Yên Th, huyện Yên Th với diện tích 445,5m² mang tên bà Phan Thị L2 và ông Vũ Văn M của bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch:

Căn cứ vào hồ vụ án và lời khai của các đương sự thì tài sản chung của ông D và bà M là thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, diện tích 890,5 m², tại xóm 1 (nay là khối 4) tại thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh nghệ An. Tại buổi làm việc ngày

15/11/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Th và Biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2019 (BL 99,100) bà Phù Thị M khẳng định phần đất thuộc quyền sử dụng của bà trong khối tài sản chung của vợ chồng là 445 m², bà đã chuyển nhượng quyền sử dụng 445 m² đất này cho ông M, bà L2 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 601, được Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Th chứng thực ngày 27/7/2010 (BL 110-114). Diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Phan Thị L2 và Vũ Văn M ngày 01/10/2011. Hiện nay, vợ chồng bà L2, ông M đã xây dựng nhà ở, ốt kinh doanh và sinh sống ổn định trên thửa đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M vẫn giữ nguyên ý kiến cho vợ chồng bà L2, ông M phần tài sản quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất thửa số 37, tờ bản đồ số 4 là 445 m².

Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định phần di sản thừa kế của ông D là 445,5 m² còn lại (bao gồm thửa đất số 52 diện tích 263,9 m² và thửa đất số 37 diện tích 181,6 m²). Đối với diện tích 445 m² đã chuyển nhượng cho bà Phan Thị L2 và ông Vũ Văn M là tài sản riêng của bà M trong khối tài sản chung của ông D và bà M, thuộc quyền sử dụng của bà M nên bà có quyền định đoạt và quyết định khi đang sống. Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 362234 ngày 11/01/2011 tại thửa 51, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn Yên Th, huyện Yên Th với diện tích 445 m² mang tên bà Phan Thị L2 và ông Vũ Văn M là đảm bảo đúng trình tự, quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Bà H1 được chấp nhận nên Bà H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Bà H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà M, bà Th1, bà Ch là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị H1 yêu cầu Tòa án định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất và đã chi phí hết 2.500.000 đồng, Bà H1 đề nghị Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật. Do đó, cần buộc bà M, bà Th1, bà Ch, bà Th, bà L1, bà L2 phải chịu chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ tương ứng với suất thừa kế được hưởng. Bà H1 thỏa thuận chịu phần chi phí cho bà M, bà L2, nên phải chịu 1.071.000 đồng (đã nộp), bà Th1, bà Ch, bà Th, bà L1 mỗi người phải hoàn trả cho Bà H1 số tiền 357.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 92, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 50, Điều 135, Điều 136 Luật đất đai 2003; Điều 659 Bộ luật dân sự 1995; Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 654 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia thừa kế là ngôi nhà cấp 4 tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An của bà Phan Thị H1, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H1, chấp nhận một phần đơn yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông Phan Văn D là diện tích 445,5 m² tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H1, yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 577059 ngày 03/7/2012 đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, diện tích 263,9 m² tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An mang tên bà Phan Thị L1 và quyết định số 3303/QĐ.UBND ngày 07/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Th về việc rút quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ bà Phan Thị L1.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 485381 ngày 09/12/2009 đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, tại thị trấn Yên Th do Ủy ban nhân dân huyện Yên Th cấp cho bà Phù Thị M và quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4251/QĐ.UBND ngày 09/12/2009 cho bà Phù Thị M.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 362234 ngày 11/01/2011 tại thửa 51, tờ bản đồ số 4 tại thị trấn Yên Th, huyện Yên Th với diện tích 445 m² mang tên bà Phan Thị L2 và ông Vũ Văn M.

5. Phân chia di sản thừa kế của ông Phan Văn D là 445,5 m² tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An theo pháp luật.

Chấp nhận việc nhường di sản thừa kế được hưởng của bà Phan Thị H1, Phan Thị L1 cho bà Phù Thị M.

Chấp nhận việc nhường di sản thừa kế được hưởng của bà Phan Thị L1, Phan Thị Th2 cho bà Phan Thị Th1, Phan Thị Ch.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị H1, tự nguyện tháo dỡ phần móng nhà do Bà H1 xây dựng tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 4, tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An.

- Giao cho bà Phù Thị M được quyền sử dụng diện tích đất 314,2 m², có giá trị 1.097.980.000 (Một tỉ không trăm chín mươi bảy triệu chín trăm tám mươi ngàn) đồng tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An, có tứ cận:

Cạnh phía Đông giáp đất bà Phan Thị T có kích thước 10,67 m + 1,40 m + 2,99 m + 2,04 m;

Cạnh phía Tây giáp nương đê sông D có kích thước 1,61 m + 4,99 m

Cạnh phía Nam giáp phần đất được giao cho bà Phan Thị Th1, Phan Thị Ch, có kích thước 26,42 m;

Cạnh phía Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Công Ân, có kích thước 11,96 m + 9,93 m + 12,64 m; (Có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch được quyền sử dụng diện tích đất 131.3 m², có giá trị 852.800.000 (Tám trăm năm mươi hai triệu, tám trăm ngàn) đồng tại xóm 1, thị trấn Yên Th, huyện Yên Th, tỉnh Nghệ An, có tứ cận:

Cạnh phía Đông giáp đất bà Phan Thị T có kích thước 5,0 m;

Cạnh phía Tây giáp nương đê sông D có kích thước 5,0 m

Cạnh phía Nam giáp đất bà Phan Thị L2, có kích thước 26,16 m;

Cạnh phía Bắc giáp phần đất giao cho bà Phù Thị M, có kích thước 26,42 m; (Có sơ đồ kèm theo).

Buộc bà Phan Thị L1 bàn giao phần tài sản được chia cho bà Phù Thị M, bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch.

Bà Phù Thị M, bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch có trách nhiệm, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục để được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phù Thị M, bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch.

Bà Phan Thị H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Phan Thị H1 số tiền 14.300.000 (Mười bốn triệu, ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên L số AA/2017 0000965 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Về chi phí tố tụng: Bà Phan Thị H1 phải chịu 1.071.000 (Một triệu, không trăm bảy mươi một ngàn) đồng (đã nộp), bà Phan Thị Th1, bà Phan Thị Ch, bà Phan Thị Th2, bà Phan Thị L1 mỗi người phải hoàn trả cho Bà H1 số tiền 357.000 (Ba trăm năm mươi bảy ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thái Thị Hồng Vân